TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Đinh Thị Thu Huyền
Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Trần Hữu Thọ
2, Ông Nguyễn Đ Khởi
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Vũ A Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2020/ TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 90/2020/TB - TA ngày 20/8/2020; Thông báo mở phiên tòa số 90/2020/TB - TA ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

- NgU đơn: **Chị Tạ Thị Út U** - sinh năm 1993;
Địa chỉ: Khu 5, xã ThA U, huyện T, tỉnh Phú Thọ(có mặt).
- Bị đơn: **A Phạm Ngọc A** - sinh năm 1989;
Địa chỉ: Khu 5, xã ThA U, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trongđơn khởi kiện ngày 08/7/2020 và các lời khai tại Toà án, ngU đơn chị Tạ Thị Út U trình bày:

Chị kết hôn với A Phạm Ngọc A ngày 04/4/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ThA U, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân là do A A chơi bời không quan tâm chăm lo đến gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, thường xU cãi vã nhau, mâu thuẫn trầm trọng tháng 6/2020 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị U xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn A A.

Về con chung: Chị U xác nhận chị và A A có hai con chung là Phạm A Đ sinh ngày 18/01/2013 và Phạm Đ Phát sinh ngày 15/9/2016. Khi ly hôn chị U xin được

trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Phạm A Đ và giao cháu Phạm Đ Phát cho A A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, công sức: Chị U xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Bị đơn A Phạm Ngọc A trình bày: A nhất trí việc chị U trình bày về quan hệ hôn nhân. A cho rằng quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, ngU nhân là do A đi làm ít về, thỉnh thoảng cũng có quan hệ bạn bè chứ không có gì trầm trọng, A cũng đã tìm mọi cách để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị U tìm mọi cách né tránh nên A không thể làm gì được. Nay chị U cương quyết ly hôn A cũng không níu kéo nhưng A không đồng ý ly hôn.

Về con chung: A A xác nhận A và chị U có hai con chung là Phạm A Đ sinh ngày 18/01/2013 và Phạm Đ Phát sinh ngày 15/9/2016. Khi ly hôn A A xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Phạm Đ Phát và giao cháu Phạm A Đ cho chị U được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, công sức: A A xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Tại bản tự khai ngày 04/8/2020 cháu Phạm A Đ đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin đ- ợc ở với mẹ.

4, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ThA U ngày 05/8/2020 thấy rằng chị U, A A đều có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã ThA U, huyện T, tỉnh Phú Thọ. A chị có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2012 tại UBND xã ThA U. Sau khi kết hôn chị U về chung sống cùng gia đình A A, cuộc sống vợ chồng A chị thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay vợ chồng A chị thường xU mâu thuẫn, ngU nhân là do A chị mâu thuẫn với nhau, do A A mải chơi không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng tháng 6/2020 chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng A A nữa. Nay chị U xin ly hôn A A đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn đề nghị của chị U vì thực tế hiện nay A chị không còn chung sống cùng nhau.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Xử: Cho chị Tạ Thị Út U được ly hôn A Phạm Ngọc A.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm A Đ sinh ngày 18/01/2013 cho chị U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung chưa thành niên là Phạm Đ Phát sinh ngày 15/9/2016 cho A A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị U, A A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị U, A A xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị U phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật trA chấp: Đây là trA chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã ThA U, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn A Phạm Ngọc A: Toà án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở phiên tòa nhưng A A đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, □iều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt A A.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị U và A A là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã ThA U, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 04/4/2012. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị U và A A được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa A chị đã có vết rạn nứt, chị U cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân là do A A chơi bời không quan tâm chăm lo đến gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, thường xU cãi vã nhau, mâu thuẫn trầm trọng tháng 6/2020 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị U xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn A A. Phía A A cho rằng quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, ngU nhân là do A đi làm ít về, thỉnh thoảng cũng có quan hệ bạn bè chứ không có gì trầm trọng, A cũng đã tìm mọi cách để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị U tìm mọi cách né tránh nên A không thể làm gì được. Nay chị U cương quyết ly hôn A cũng không níu kéo nhưng A không đồng ý ly hôn. Như vậy thể hiện việc A A không muốn ly hôn là không thực tâm, khả năng đoàn tụ là khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài chỉ gây nên đau khổ cho cả hai bên, A chị chung sống không đem lại hạnh phúc và tình yêu thương không có. Ngày 05/8/2020 Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh tại UBND xã ThA U về quan hệ hôn nhân của chị U A A được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn chị U về chung sống cùng gia đình A A, cuộc sống vợ chồng A chị thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay vợ chồng A chị thường xU mâu thuẫn, ngU nhân là do A chị mâu thuẫn với nhau, do A A mải chơi không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng tháng 6/2020 chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng A A nữa. Nay chị U xin ly hôn A A

đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn đề nghị của chị U vì thực tế hiện nay A chị không còn chung sống cùng nhau. Vì vậy chị U xin ly hôn A A cần xử cho chị U được ly hôn A A là phù hợp với □iều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị U và A A xác nhận vợ chồng có hai con chung là Phạm A Đ sinh ngày 18/01/2013 và Phạm Đ Phát sinh ngày 15/9/2016. Khi ly hôn chị U A A thống nhất thỏa thuận để chị U nuôi con chung là cháu Phạm A Đ, A A nuôi con chung là cháu Phạm Đ Phát. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: chị U, A A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị U phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5, điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1, Xử: Cho chị Tạ Thị Út U được ly hôn A Phạm Ngọc A.

2, Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm A Đ sinh ngày 18/01/2013 cho chị U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung chưa thành niên là Phạm Đ Phát sinh ngày 15/9/2016 cho A A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị U, A A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

3, Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị U, A A xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4, Về án phí: chị Tạ Thị Út U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị U đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002637 ngày 10/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện

- Các đương sự
- UBND xã ThA U
- Lưu HS - VP

Đinh Thị Thu Huyền